

QUYỀN LỰC VỢ CHỒNG TRONG GIA ĐÌNH Ở AN GIANG

PHAN THUẬN*

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích mối quan hệ giới trong gia đình ở An Giang. Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn bảng hỏi với 288 vợ/chồng ở thành phố và nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang theo cách chọn mẫu ngẫu nhiên. Kết quả phân tích cho thấy, mô hình quyền quyết định trong gia đình ở An Giang thường thiên về những người có thu nhập chính trong gia đình. Mặc dù vậy, mô hình quyền lực trong gia đình vẫn còn duy trì khuôn mẫu truyền thống, đó là sự ảnh hưởng của nam giới đối với các quyết định từ hoạt động sản xuất cho đến sinh hoạt hàng ngày trong gia đình.

Từ khóa: Quyền lực; quyền lực vợ chồng; gia đình ở An Giang

Abstract: The paper focuses on family gender relations in An Giang. A questionnaire was used to interview 288 spouses in urban and rural areas through random sampling. Analytical results show that in An Giang, household decisions are often made by the person who contributes higher income to the family. The traditional model of family power, however, continues within the influence of men on decisions ranging from production to daily activities of the family.

Key words: power; spouse's power; families in An Giang.

1. Đặt vấn đề

An Giang là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội khá nhanh. Cũng như trong cả nước, sự thay đổi về kinh tế - xã hội đã kéo theo sự thay đổi những giá trị, chuẩn mực xã hội, trong đó có gia đình (Phan Thuận, 2012) Trong những năm qua, tỉnh An Giang đã có nhiều chủ trương, chương trình hành động để thực hiện tốt mục tiêu xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và tiến bộ theo tinh thần của Chỉ thị 49-CT/TW. Nhờ đó, công tác xây dựng gia đình ở An Giang đã có những thành tựu đáng trân trọng như tỷ lệ nghèo của các hộ gia đình giảm xuống, duy trì các chuẩn mực gia đình trong bối cảnh hội nhập. Song, gia đình ở An Giang vẫn còn đối diện với không ít thách thức do mặt trái của kinh tế thị trường tác động, trong đó có bạo lực

* Học viện Chính trị Khu vực IV, Tp Cần Thơ.

gia đình. Theo báo cáo của Hội LHPN các cấp của An Giang, từ năm 2005 đến nay, các cấp Hội đã tiếp nhận tới 500 vụ liên quan đến hôn nhân gia đình, trong đó có tới 60% số vụ có liên quan đến bạo lực gia đình. Theo báo cáo của ngành tòa án từ năm 2005 đến tháng 6/2008, họ đã trực tiếp thụ lý 3.950 vụ hôn nhân và gia đình, trong đó nguyên nhân do bạo lực gia đình chiếm một tỷ lệ khá lớn (Đặng Ánh Tuyết, 2010). Theo kết quả khảo sát Đặng Ánh Tuyết (2010) cho thấy, hàng năm có khoảng từ 6-10 vụ bạo lực gia đình mà chính quyền địa phương đứng ra hòa giải.

Có khá nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng bạo lực gia đình ở Việt Nam nói chung, ở An Giang nói riêng, trong đó, phân biệt đối xử về giới trong gia đình là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng bạo lực (UN, 2010). Cơ sở của sự phân biệt giới trong gia đình là sự phân công lao động trong gia đình chưa hợp lý dẫn đến địa vị thấp kém của phụ nữ và bất bình đẳng về mối quan hệ quyền lực trong gia đình (Lê Ngọc Văn, 2006). Như vậy, nguyên nhân sâu xa của tình trạng bạo lực gia đình là sự thiếu hợp lý về phân công lao động theo giới trong gia đình và mất cân bằng về quyền lực giữa nam giới, phụ nữ.

Để có giải pháp hạn chế tình trạng bất bình đẳng trong gia đình ở An Giang hiện nay, việc nhận diện đúng thực trạng mô hình quyền lực giới trong gia đình là rất cần thiết. Do đó, bài viết tập trung phân tích và nhận diện mô hình quyền lực trong gia đình ở An Giang, dựa trên kết quả khảo sát 288 đối tượng là vợ/ chồng của các gia đình ở thành thị và nông thôn được lựa chọn theo hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên. Trong đó, có 73,0% là người chồng làm chủ hộ và 14,0% người vợ làm chủ hộ. Nội dung phân tích về mô hình quyền lực vợ chồng được thể hiện ở hai khía cạnh (1) tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực và (2) quyền ra quyết định. Nghiên cứu này đã góp phần nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ để từ đó ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng bạo lực gia đình ở An Giang trong bối cảnh hiện nay.

2. Cơ sở lý luận về mô hình quyền lực vợ chồng trong gia đình

Mô hình quyền lực vợ chồng trong gia đình được lý giải ở nhiều góc độ khác nhau. Một trong những quan điểm phân tích mô hình quyền lực vợ chồng là quan điểm nữ quyền, các nhà nữ quyền đã cho rằng, cơ sở của quyền lực bất bình đẳng trong gia đình là do sự kiểm soát của đàn ông đối với cuộc sống của phụ nữ. Kamala Bhasin (1993) cho rằng, đàn ông kiểm soát cuộc sống của phụ nữ thông qua các lĩnh vực (1) kiểm soát quyền sản xuất và lao động của phụ nữ; (2) kiểm soát quyền tái sản xuất của phụ nữ và (3) kiểm soát toàn bộ tình dục của phụ nữ. Chính sự kiểm soát đó đã tạo ra mối quan hệ không bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong gia đình. Hệ quả của nó là bạo lực gia đình.

Mác và Ăngghen cho rằng, chế độ sở hữu tư nhân ra đời cùng với việc xác lập gia đình cá thể và chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Phân công lao động theo giới đã có sự thay đổi. Theo Ăngghen, phụ nữ vẫn tiếp tục làm công việc nhà với những chiếc nồi bằng gốm, những chiếc áo khâu bằng sợi từ vỏ cây. “Nhưng nó đã làm mất hết ý nghĩa

của nó so với lao động sản xuất của người đàn ông, lao động sản xuất của người đàn bà chỉ là sự đóng góp không đáng kể” (tr 249). Đồng thời, Mác và Ăngghen đặc biệt nhấn mạnh vai trò của sở hữu tư nhân và tác động của nó đối với sự thay đổi của địa vị phụ nữ và nam giới. Ông cho rằng: “Giống như sự sản xuất, sự gia tăng giàu có, quyền sở hữu tư nhân hiện lên và đàn ông trở thành quan trọng hơn trong gia đình. Họ đã sử dụng địa vị đã được tăng cường để đánh bại hoàn toàn mẫu quyền theo chế độ mẫu hệ trong sự có lợi cho chế độ phụ quyền” (Ph. Ăngghen, tập 6, 1984).

Nền đại công nghiệp có thể mở đường cho phụ nữ vô sản tham gia trực tiếp vào nền sản xuất xã hội với tư cách là một nguồn lao động thực thụ. Tuy nhiên, ngay từ thời đó, Mác và Ăngghen đã chỉ ra sự căng thẳng vai trò nếu người phụ nữ vô sản vừa đảm đương công việc gia đình, vừa đảm đương công việc xã hội. Trong bộ “Tư bản”, các ông cũng đề cập đến những khó khăn khi người nữ công nhân tham gia lao động ngoài gia đình để kiếm thêm thu nhập. Mác viết: “Nhưng nếu cho rằng cả người mẹ cũng có tiền công, thì như vậy là làm cho công việc nội trợ mất bà chủ lãnh đạo; vậy thì ai trông nom nhà cửa, chăm sóc con nhỏ? Ai nấu nướng, giặt giũ, khâu vá? Đó là một vấn đề khó giải quyết ngày nào cũng đặt ra cho công nhân” (tr.209). Đây là một trong những thử thách lớn của phụ nữ trước cơ hội thay đổi sự phân công lao động theo giới do xã hội công nghiệp mang lại. Điều này không chỉ đúng với thời đại của Mác và Ăngghen mà còn đúng với thực trạng của phụ nữ trong xã hội công nghiệp hiện nay.

Như vậy, mô hình quyền lực trong gia đình thường gắn với sự kiểm soát và tiếng nói của phụ nữ và nam giới, ai có quyền kiểm soát càng nhiều thì quyền lực sẽ thuộc về phía người đó. Mô hình quyền lực này được thể hiện qua (1) kiểm soát các nguồn lực và (2) quyền ra quyết định. Thông thường, trong gia đình truyền thống, người đàn ông có quyền lực hơn phụ nữ và điều này dường như vẫn còn hiện hữu ở gia đình Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

3. Thực trạng về quyền lực vợ chồng trong gia đình ở An Giang

3.1. Quyền lực vợ chồng thông qua quyền kiểm soát các nguồn lực trong gia đình

Thực tế cho thấy, địa vị xã hội của phụ nữ và nam giới có mối quan hệ chặt chẽ với cơ hội tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực. Việc kiểm soát các nguồn lực hay lợi ích thể hiện ảnh hưởng uy quyền của con người rõ rệt. Vì vậy, trong việc đánh giá mô hình quyền lực vợ chồng trong gia đình, xem xét địa vị xã hội của nam giới và phụ nữ cần phải quan tâm một cách thỏa đáng về kiểm soát các nguồn lực và lợi ích.

Trên cơ sở này, nghiên cứu tập trung phân tích về sự kiểm soát các nguồn lực trong sản xuất và trong đời sống hàng ngày. Kết quả khảo sát Bảng 1 cho thấy, cả hai vợ chồng đều có cơ hội sử dụng và kiểm soát các nguồn lực. Tuy nhiên, nhìn ở góc độ giới, ở tất cả các nguồn lực, hầu hết nam giới chiếm tỷ lệ áp đảo so với phụ nữ. Điều này cho thấy rằng, các đối tượng tham gia khảo sát đều thừa nhận người chồng vẫn có nhiều cơ hội tiếp cận nguồn lực sản xuất so với người vợ.

Bảng 1: Sử dụng và kiểm soát các nguồn lực trong sản xuất

Sử dụng và kiểm soát các nguồn lực trong sản xuất		Vợ	Chồng	Cả hai	Tổng
1. Đất sản xuất	SL	11	57	162	230
	%	4.8	24.8	70.4	100
2. Nhà ở	SL	10	34	205	249
	%	4.0	13.7	82.3	100
3. Vốn	SL	16	49	172	237
	%	6.8	20.7	72.5	100
4. Kỹ thuật thông tin	SL	5	41	169	215
	%	2,3	19.1	78.6	100

Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2015

Ngoài ra, nghiên cứu không chỉ phân tích cơ hội sử dụng và kiểm soát nguồn lực trong sản xuất mà còn xem xét kiểm soát các nguồn lực trong đời sống hàng ngày của gia đình. Mục đích của việc xem xét này là để trả lời cho câu hỏi “liệu có sự khác biệt trong cơ hội sử dụng và kiểm soát các nguồn lực trong đời sống hàng ngày của vợ và chồng”. Kết quả khảo sát cho thấy, cơ hội kiểm soát các nguồn lực này vẫn hiện hữu theo khuôn mẫu giới.

Bảng 2: Cơ hội sử dụng và kiểm soát các nguồn lực/lợi ích trong gia đình

Cơ hội sử dụng và kiểm soát các nguồn lực /lợi ích trong gia đình		Vợ	Chồng	Cả hai	Tổng
1. Tiền mặt	SL	92	63	120	275
	%	33.5	22.9	43.6	100
2. Lương thực, thực phẩm	SL	84	62	129	275
	%	30.6	22.5	46.9	100
3. Trang sức, quần áo	SL	159	24	91	274
	%	58.0	8.8	33.2	100
4. Đồ dùng gia đình có giá trị	SL	27	72	175	274
	%	9.9	26.3	63.8	100
5. Giáo dục	SL	31	52	191	274
	%	11.3	19.0	69.7	100

Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2015

Nhìn vào kết quả của bảng 2 cho thấy, tỷ lệ nam giới và phụ nữ có cơ hội sử dụng và kiểm soát các nguồn lực trong đời sống gia đình hàng ngày là như nhau. Điều này thể hiện rằng, trong gia đình ở An Giang đã có sự bình đẳng trong việc kiểm soát các nguồn này. Xét cụ thể hơn thì phụ nữ thường kiểm soát tiền mặt, trang sức, quần áo nhiều hơn. Bởi lẽ, theo khuôn mẫu truyền thống, phụ nữ thường là người “tay hòm chìa khoá” - là người giữ tiền trong gia đình. Có thể nói, cơ hội này vẫn duy trì theo khuôn mẫu giới truyền thống. Trong khi đó, một điểm đáng lưu ý nữa là đối với những đồ dùng gia đình có giá trị (xe máy, ti vi...) thì tỷ lệ người chồng tiếp cận

và kiểm soát cũng cao hơn so với phụ nữ (26.3% và 9.9%). Đồng thời, nam giới cũng có kiểm soát về lợi ích giáo dục nhiều hơn so với phụ nữ. Kết quả khảo sát đã phản ánh rằng, vẫn còn sự khác biệt tương đối giữa nam và nữ về cơ hội sử dụng và kiểm soát các nguồn lực liên quan đến đời sống hàng ngày trong gia đình. Nguyên nhân sâu xa của nó bắt nguồn từ sự phân công lao động trong gia đình. Điều này đã được những giá trị, chuẩn mực xã hội “mặc định” và “lập trình” cho mỗi giới trong gia đình. Chính vì thế, nó đã ảnh hưởng đến tiếng nói của mỗi giới trong gia đình: nam giới thường có uy quyền hơn phụ nữ trong gia đình.

3.2. Quyền lực vợ chồng thông qua quyền ra quyết định trong gia đình

Theo tác giả Văn Thị Cúc (2007), các nghiên cứu về quyền quyết định trong gia đình đã thống nhất rằng, trong gia đình đã có sự bàn bạc giữa hai vợ chồng nhưng việc ra quyết định chính đối với các công việc quan trọng vẫn là của người chồng và định kiến giới là yếu tố ảnh hưởng tới quyền quyết định trong gia đình (tr.42). Các nghiên cứu (Đặng Thị Hoa, 2001; Mai Huy Bích, Lê Thị Kim Lan, 1999) khẳng định tương tự, mô hình ra quyết định trong gia đình hiện nay, đó là người chồng vẫn có quyền quyết định nhiều hơn vợ. Mặc dù, trong gia đình vợ phải đảm nhận hầu hết công việc, thậm chí họ còn là người mang lại thu nhập chính cho gia đình nhưng phần lớn quyền quyết định thuộc về người chồng, người vợ chỉ là người thực thi các quyết định đó. Sở dĩ là vì, do ảnh hưởng của định kiến giới vẫn còn tồn tại trong gia đình, đặc biệt là gia đình nông thôn; do tư tưởng coi thường phụ nữ, đề cao vai trò và địa vị của nam giới. Đặc biệt, hệ giá trị phong kiến, bảo thủ về vị trí và vai trò của phụ nữ trong công việc gia đình còn nặng nề, phổ biến nhất là ở nông thôn (Văn Thị Cúc, 2007).

Để đánh giá quyền ra quyết định của vợ hoặc chồng về các vấn đề của đời sống gia đình, nghiên cứu đã phân tích quyền ra quyết định trong sản xuất và trong đời sống hàng ngày. Ở Bảng 3 về quyền ra quyết định trong sản xuất cho thấy, vợ chồng đã có sự bàn bạc với nhau để thống nhất trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến sản xuất. Tuy nhiên, hầu hết các quyết định trong sản xuất nam giới đều chiếm tỷ lệ áp đảo. Điều này cho thấy, tiếng nói của nam giới trong gia đình rất có uy lực và phụ nữ dường như chỉ mang tính thừa hành.

Bảng 3: Quyền ra quyết định của vợ và chồng liên quan đến các vấn đề trong sản xuất

Quyền ra quyết định trong sản xuất		Vợ	Chồng	Cả hai	Tổng
1. Đầu tư vốn	SL	17	92	136	245
	%	6.9	37.6	55.5	100
2. Vay vốn và sử dụng vốn	SL	9	94	146	249
	%	3.6	37.8	58.6	100
3. Áp dụng kỹ thuật	SL	9	91	146	246
	%	3.7	37.0	59.3	100
4. Chuyển nhượng đất đai	SL	8	92	142	242
	%	3.3	38.0	58.7	100
5. Buôn bán sản phẩm	SL	29	40	177	246
	%	11.8	16.3	72.0	100

Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2015

Câu hỏi đặt ra rằng, người có thu nhập chính trong gia đình có phải là người có quyền ra quyết định hay không? Nghiên cứu đã phân tích mối tương quan giữa người có thu nhập chính với quyền ra quyết định trong lĩnh vực sản xuất. Kết quả khảo sát ở Bảng 4 cho thấy có hai xu hướng: xu hướng thứ nhất, nếu người vợ có thu nhập chính thường ra quyết định nhiều hơn, nhưng trước khi ra quyết định có sự bàn bạc với chồng và mới đi đến quyết định cuối cùng. Xu hướng thứ hai, người chồng là người có thu nhập chính thì cũng là người có tính quyết định cao trong gia đình; song, họ ít có sự thỏa thuận, bàn bạc và trao đổi ý kiến với người bạn đời. Như vậy, thu nhập chính là một trong những yếu tố nâng cao vị thế và vai trò của mỗi giới trong gia đình. Điều này rất phù hợp với kiến giải của các nhà nữ quyền, nâng cao vị thế kinh tế của phụ nữ trong gia đình sẽ là yếu tố xóa bỏ bất bình đẳng trong gia đình và xã hội bởi vì sự phụ thuộc kinh tế của phụ nữ sẽ khiến cho họ bị kiểm soát và ít có những quyết định trong cuộc đời của họ. Mặc dù vậy, nam giới vẫn có ảnh hưởng đến quá trình ra các quyết định liên quan đến sản xuất trong gia đình, dù họ không phải là người có thu nhập chính.

Bảng 4: *Tương quan giữa quyền quyết định trong sản xuất với người có thu nhập chính (%)*

Quyết định trong sản xuất	Người có thu nhập chính	
	Vợ	Chồng
1. Đầu tư vốn		P=0,000
Vợ	20,8	0,0
Chồng	8,4	60,6
Cả hai	70,8	39,4
2. Vay vốn và sử dụng vốn		P=0,00
Vợ	16,7	0,0
Chồng	4,2	45,9
Cả hai	79,1	54,1
3. Áp dụng kỹ thuật		P=0,000
Vợ	17,4	3,1
Chồng	8,7	54,5
Cả hai	73,9	42,4
4. Chuyển nhượng đất đai		P=0,000
Vợ	17,4	3,0
Chồng	8,7	45,5
Cả hai	73,9	51,5
5. Buôn bán sản phẩm		P=0,045
Vợ	20,8	5,7
Chồng	8,4	34,3
Cả hai	70,8	60,0

Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2015

Đối với quyền quyết định trong gia đình, kết quả khảo sát cho thấy các cặp vợ chồng ở An Giang đều có sự thỏa thuận, bàn bạc với nhau để đưa ra quyết định trong đời sống hàng ngày. Trong đó, người vợ có ưu thế trong quyết định các vấn đề sinh hoạt hàng ngày ở gia đình. Tuy nhiên, những quyết định liên quan đến việc mua sắm đồ dùng đắt tiền, sửa chữa nhà cửa thì nam giới là người quyết định. Như vậy, bằng chứng nghiên cứu về gia đình ở An Giang cũng khá thống nhất với các nghiên cứu trước đó, quyết định liên quan đến các vấn đề sinh hoạt trong gia đình thì có sự bàn bạc, trao đổi với nhau, thậm chí người vợ có quyền quyết định nhiều vấn đề (Bảng 5) nhưng các quyết định quan trọng thì nam giới là người quyết định. Câu hỏi đặt ra, liệu có sự khác biệt giữa người có thu nhập chính với quyền ra quyết định trong đời sống sinh hoạt hàng ngày?

Bảng 5: Quyền ra quyết định trong đời sống sinh hoạt hàng ngày

Quyền ra quyết định trong đời sống		Vợ	Chồng	Cả hai	Tổng
1. Chi tiêu hàng ngày	SL	183	24	62	269
	%	68.0	8.0	23.0	100
2. Mua sắm đồ dùng đắt tiền	SL	63	87	117	267
	%	23.6	32.6	43.8	100
3. Sửa chữa nhà cửa	SL	31	98	138	267
	%	11.6	36.7	51.7	100
4. Quyết định chi phí khám chữa bệnh	SL	89	51	127	267
	%	33.3	19.1	47.6	100
5. Quyết định biện pháp tránh thai	SL	108	17	142	267
	%	40.4	6.4	53.2	100
6. Quyết định khoảng cách sinh	SL	96	16	153	265
	%	36.2	6.1	57.7	100
7. Quyết định số con	SL	87	20	160	267
	%	32.6	7.5	59.9	100
8. Quyết định hôn nhân của con cái	SL	40	16	202	258
	%	15.5	6.2	78.3	100

Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2015

Nghiên cứu cũng quan tâm về mối quan hệ giữa người có thu nhập chính với quyền ra quyết định trong sinh hoạt gia đình hàng ngày của vợ chồng, bởi vì đây là yếu tố xác định sự ảnh hưởng của địa vị kinh tế đến quyền lực trong gia đình. Kết quả khảo sát ở Bảng 6 cho thấy kết luận khá thống nhất với quyền ra quyết định trong hoạt động sản xuất, người nào có thu nhập chính thì tiếng nói của họ quan trọng đối với việc ra các quyết định liên quan đến sinh hoạt gia đình hàng ngày. Đặc biệt, trong một số hoạt động như quyết định khoảng cách sinh, khám chữa bệnh, số con, có sự phân biệt rõ ràng đối với quyền ra quyết định giữa vợ và chồng nếu một trong hai người là người có thu nhập chính. Mặc dù vậy, người chồng trong gia đình vẫn là người có ảnh hưởng đến quyền ra quyết định các hoạt động này, cho dù họ không phải là người có thu nhập chính.

Bảng 6: Tương quan giữa quyền ra quyết định các hoạt động trong đời sống gia đình với người có thu nhập chính (%)

Quyết định trong đời sống	Người có thu nhập chính	
	Vợ	Chồng
1. Chi tiêu hàng ngày	P=0,000	
Vợ	76.9	51.4
Chồng	3.8	24.3
Cả hai	19.2	24.3
2. Mua sắm đồ dùng đắt tiền	P=0,001	
Vợ	34.6	8.3
Chồng	23.1	47.2
Cả hai	42.3	44.4
3. Sửa chữa nhà cửa	P=0,001	
Vợ	34.6	2.8
Chồng	19.2	50.0
Cả hai	46.2	47.2
4. Quyết định chi phí khám chữa bệnh	P=0,000	
Vợ	57.7	27.8
Chồng	0.0	36.1
Cả hai	42.3	36.1
5. Quyết định khoảng cách sinh	P=0,003	
Vợ	48.0	20.0
Chồng	0.0	20.0
Cả hai	52.0	60.0
6. Quyết định số con	P=0,037	
Vợ	42.3	16.7
Chồng	3.8	13.9
Cả hai	53.8	69.4
7. Quyết định việc học hành của con cái	P=0,002	
Vợ	30.8	13.9
Chồng	7.7	25.0
Cả hai	61.5	61.1

Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2015

Như vậy, các bằng chứng nghiên cứu định lượng trên đã kết luận rằng, trong hoạt động sản xuất cũng như trong đời sống gia đình hàng ngày, vợ chồng đều có sự trao đổi bàn bạc và thảo luận với nhau trước khi ra quyết định. Trong đó, ai là người có thu nhập chính là người có quyền quyết định các hoạt động từ sản xuất cho đến sinh hoạt trong gia đình. Điều này có nghĩa là phụ nữ có cũng có vai trò quan trọng trong việc ra quyết định các hoạt động sản

xuất nếu họ là người có thu nhập chính. Song, những quyết định của họ đều có sự tham gia của nam giới. Có thể nói, nam giới luôn có ảnh hưởng rất lớn trong việc ra các quyết định. Từ đó cho thấy, quyền lực trong gia đình vẫn có xu hướng thiên về nam giới, cho dù họ là người có thu nhập chính hay không.

4. Một vài kiến nghị

Các bằng chứng nghiên cứu đã cho thấy, khả năng tiếp cận các nguồn lực và quyền lực trong gia đình vẫn ít nhiều dựa vào mô hình quyền lực của gia đình truyền thống. Mặc dù vai trò của mỗi giới trong gia đình đã có sự thay đổi, tuy nhiên xã hội và cộng đồng vẫn kỳ vọng, mong đợi nhiều về vai trò chăm sóc gia đình, chăm sóc con cái của phụ nữ. Do đó, để thay đổi mô hình quyền lực trong gia đình theo hướng bình đẳng giới thì nghiên cứu gợi mở một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, cần thay đổi cách truyền thông và giáo dục về giới, bởi vì hầu hết các chương trình quảng cáo, truyền thông, thậm chí các chương trình giảng dạy cho học sinh các cấp thường gắn việc nhà, chăm sóc con cái với hình ảnh của người phụ nữ. Chính điều này đã hằn sâu trong suy nghĩ của nhiều thế hệ rằng, phụ nữ phải đảm đương và gánh vác mọi việc trong gia đình. Để làm được điều đó, trước hết, cần xây dựng các chương trình truyền thông, tuyên truyền mang tính nhạy cảm giới; thứ hai, rà soát lại toàn bộ các chương trình giáo dục cho học sinh phổ thông để xem xét các chương trình này có định kiến giới không, từ đó có thể biên soạn và chỉnh sửa cho phù hợp; thứ ba, người làm chương trình truyền thông cũng cần được bồi dưỡng kiến thức về giới để tránh tình trạng “mù giới” trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình.

Thứ hai, phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ cơ sở trong việc thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về bình đẳng giới, đặc biệt các chính sách liên quan đến cơ hội tiếp cận các nguồn lực phát triển kinh tế- xã hội của phụ nữ, nhằm đảm bảo quyền tiếp cận các nguồn lực của phụ nữ, góp phần nâng cao địa vị của họ trong gia đình và ngoài xã hội. Để làm được điều này, 1) Đội ngũ cán bộ địa phương cần có thái độ khách quan trong thực thi những chính sách đối với phụ nữ, cần có kiến thức về giới để thực hiện một cách hiệu quả các chương trình lồng ghép giới. 2) Đội ngũ cán bộ tích cực nhận thức và cập nhật kiến thức về bình đẳng giới để có chiến lược tuyên truyền, vận động các chính sách liên quan đến giới phù hợp. 3) Bản thân người phụ nữ cũng có sự hợp tác tích cực đối với cán bộ thực hiện chính sách này.

Thứ ba, tạo cơ hội cho phụ nữ tiếp cận các dịch vụ lao động, việc làm và các nguồn vốn sản xuất. Bởi vì, các nhà nữ quyền Macxit đã cho rằng, cần tạo điều kiện cho phụ nữ tiếp cận các nguồn lực kinh tế, lao động, việc làm để có thể nâng cao vị thế của họ trong gia đình và xã hội. Để làm được điều này, 1) Chính quyền địa phương cần thực hiện nghiêm túc chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho phụ nữ sau khi được đào tạo; 2) Cần xã hội hóa các chính sách, chương trình an sinh xã hội liên quan đến phát triển cơ hội của phụ nữ; 3) Lồng ghép giới vào trong các chương trình phát triển kinh tế- xã hội, đặc biệt là chính sách giảm nghèo, ứng phó với biến đổi khí hậu... Từ đó tạo cơ hội tăng thu nhập cho phụ nữ, góp phần nâng cao vị thế của họ trong gia đình và ngoài xã hội.

5. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu về quan hệ giới trong gia đình ở An Giang cho thấy, phụ nữ thường có quyền kiểm soát các nguồn lực ít quan trọng, trong khi đó nam giới kiểm soát các nguồn lực mang tính quyết định hơn. Nghiên cứu được thực hiện ở An Giang đã cung cấp thêm một bằng chứng, ai là người có thu nhập chính trong gia đình thì người đó có quyền quyết định nhiều hơn; mặc dù vậy, nam giới cũng có ảnh hưởng đến quyền quyết định của phụ nữ, cho dù họ không phải là người có thu nhập chính.

Như vậy, có thể khẳng định mô hình quyền quyết định trong gia đình ở An Giang thiên về những người có thu nhập chính trong gia đình. Có thể nói, sự tự do về kinh tế là yếu tố hạn chế bất bình đẳng trong gia đình và nó đã tác động đến quan hệ giới trong gia đình ở đây. Điều này có nghĩa rằng, việc khuyến khích phụ nữ tham gia phát triển kinh tế hộ là một trong những yếu tố làm hạn chế mô hình “phu xướng, phụ tùy” truyền thống, góp phần hạn chế tình trạng lạm quyền của nam giới trong gia đình và từ đó làm cân bằng vị trí, vai trò của phụ nữ và nam giới trong gia đình ở An Giang hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Thị Hoa (2001). *Vị thế của người phụ nữ H'Mông trong gia đình và xã hội*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 1.
2. Đặng Ánh Tuyết (2010). *Bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh An Giang những vấn đề đặt ra từ cuộc khảo sát*. Tạp chí Dân số và Phát triển.
3. Lê Ngọc Hùng (2008). *Động thái quyền lực giới. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới, số 5.
4. Lê Ngọc Văn (2006). *Nghiên cứu gia đình và lý thuyết nữ quyền*. Hà nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
5. Lê Ngọc Văn (2011). *Biến đổi gia đình Việt Nam*. Hà nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
6. Lê Thị Kim Lan (2006). *Phân công lao động theo giới trong cộng đồng dân tộc Bru- Vân Kiều (nghiên cứu trường hợp hai xã ở Hướng Hiệp và Tà Long, huyện Đắc rông, tỉnh Quảng Trị)*.
7. Mai Huy Bích & Lê Thị Kim Lan (1999). *Địa vị phụ nữ ngư dân ven biển miền Trung*. Tạp chí Xã hội học, số 3 và 4.
8. MDGIF, UN và Tổng cục thống kê. (2010). *Kết quả nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình với phụ nữ Việt Nam 2010*.
9. Ph.Ăngghen. (1984). *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của nhà nước*. Trong: Mác, Ăngghen. Tuyển tập, tập 6. Hà nội: Nhà xuất bản sự thật. Hà Nội.
10. Nguyễn Hữu Minh & Trần Thị Vân Anh (2008). *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. Hà nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
11. Nguyễn Hữu Minh (2008). *Khía cạnh giới trong phân công lao động gia đình*. Tạp chí Xã hội học, số 4. Trang 44-56.
12. UN. (2010). *Giải quyết vấn đề trên cơ sở giới ở Việt Nam: Hướng tới một chương trình giúp phòng chống bạo lực trên cơ sở giới hiệu quả*.